

Bản án số: 82/2025/DS-ST

Ngày: 28-5-2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nhị.

2. Ông Nguyễn Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2025/TLST – DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80a/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số E N, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

Đại diện ủy quyền của bà T:

1/ Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Số H C, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An.

Và/hoặc

2/ Bà Trần Nguyễn Kiều M, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số B N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T do ông Nguyễn Tuấn D đại diện trình bày:

Đầu tháng 9/2024, ông T1 có ngỏ lời vay tiền để làm ăn. Do có tiền nhàn rỗi nên bà T có cho ông T1 vay số tiền 800.000.000 đồng. Ngày 20/9/2024 ông T1

ký giấy mượn tiền, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 3% tháng. Đến nay ông T1 chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi. Bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền vay 800.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn với mức lãi suất 1.66% là 26.500.000 đồng và tiền lãi nợ quá hạn từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/01/2025 mức lãi suất 150% x 1.66% = 2.49% là 39.840.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 866.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày 20/01/2025 đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết công khai cho ông T1 biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm T nhưng ông T1 không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của bà T.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Riêng ông T1 không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, việc xét xử vắng mặt ông T1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: căn cứ vào giấy vay tiền thì bà T yêu cầu trả số tiền vay 800.000.000 đồng và tiền lãi là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Nguyễn Thành T1 có ký với nhau giấy mượn tiền ngày 20/9/2024. Nay bà T khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Do ông Nguyễn Thành T1 hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà T khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không hoà giải được do vắng mặt bị đơn. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành T1 là bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú ông T1 bao gồm Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng ông T1 vẫn không đến tham gia phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt ông T1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Tuấn D đại diện bà Nguyễn Thị Diễm T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Bà T và ông T1 có quan hệ vay mượn tiền, ngày 20/9/2024 ông T1 có ký giấy mượn tiền bà T số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 3% tháng, thời hạn vay là 60 ngày, đến nay ông T1 chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi nên bà T khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành T1 vắng mặt. Toà án

tiến hành xác minh nơi cư trú, Công an thị trấn T xác nhận ông Nguyễn Thành T1 có đăng ký thường trú 12/247 Khu phố C Nhà T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Toà án đã tiến hành niêm yết công khai hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, ông T1 đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Toà án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Toà án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn thì bên vay có nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 20/9/2024 buộc ông Nguyễn Thành T1 trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T số tiền vay gốc 800.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5.2] Về phần tiền lãi: bà T yêu cầu tính tiền lãi gồm tiền lãi trong hạn từ ngày 20/9/2024 đến ngày 19/11/2024 với mức lãi suất $1.66\% \times 02 \text{ tháng} \times 800.000.000 \text{ đồng}$ là 26.560.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/01/2025 với mức lãi suất $150\% \times 1.66\% \times 800.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng}$ là 39.840.000 đồng, tổng tiền lãi bà T yêu cầu là 66.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày 20/01/2025 đến ngày xét xử. Xét thấy, giấy mượn tiền ngày 20/9/2024 hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3% tháng, thời hạn vay 60 ngày. Theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ Luật dân sự thì trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20% năm của khoản tiền vay, phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Vậy đối với tiền lãi trong thời gian vay 60 ngày nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1.66% tháng $\times 800.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 26.560.000 \text{ đồng}$ là phù hợp. Đối với tiền lãi quá hạn thì các bên không có thỏa thuận lãi suất quá hạn. Cho nên đến hạn trả nợ nhưng ông T1 không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bà T yêu cầu trả lãi do chậm trả từ ngày vi phạm 20/11/2024 đến ngày 20/01/2025 là phù hợp nhưng theo mức lãi suất quá hạn 2.49% là vượt quá quy định pháp luật, do các bên đương sự chỉ thỏa thuận lãi suất trong hạn, không có thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn. Theo điểm a khoản 5 Điều 466 BLDS quy định “trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS”. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông T1 trả cho bà T số tiền lãi do chậm trả là $800.000.000 \text{ đồng} \times 02 \times 0.83\% = 13.280.000 \text{ đồng}$ là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015, tổng cộng ông T1 phải trả số tiền lãi là 39.840.000 đồng. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu tiền lãi vượt quá của bà T là 26.560.000 đồng.

[6] LỜI đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[7] Về án phí: ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thanh toán. Bà T không phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm T.

Buộc ông Nguyễn Thành T1 trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T số tiền vay gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi 39.840.000 đồng, tổng cộng là 839.840.000 đồng (giấy mượn tiền ngày 20/9/2024).

Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm T đối với số tiền lãi 26.560.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: ông Nguyễn Thành T1 phải chịu 37.195.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 1.328.000 đồng tiền án phí. Khấu trừ 18.996.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0009562 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. H lại bà T 17.668.000 đồng.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Án văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm